

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

THỂ GIỚI BIỂU TƯỢNG
TRONG VĂN XUÔI NGUYỄN NGỌC TU

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam

Mã số : 60.22.34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng, Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Hương**

Phản biện 1: **TS. Cao Thị Xuân Phượng**

Phản biện 2: **TS. Hà Ngọc Hòa**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 12 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Mục đích, ý nghĩa của đề tài

1.1. Mỗi dân tộc tồn tại trên thế giới đều có những đặc sắc riêng về văn hoá và yếu tố tạo nên sắc diện văn hoá chính là các biểu tượng. Vì thế, hành trình tìm kiếm và nghiên cứu biểu tượng trong văn học là hành trình khám phá con đường trở về cội nguồn văn hoá cũng là cuộc hành trình tìm kiếm những giá trị chân, thiện, mỹ của dân tộc.

1.2. Trong hệ phát triển đa dạng của văn xuôi đương đại Nguyễn Ngọc Tư nổi lên như một hiện tượng độc đáo. Nguyễn Ngọc Tư khẳng định mình ở nhiều thể loại. Tuy sáng tác không đều tay nhưng mỗi tác phẩm của chị đều để lại những dấu ấn sâu đậm trong lòng độc giả. Nguyễn Ngọc Tư viết về những điều bình dị đời thường nhưng bằng hệ thống biểu tượng Nguyễn Ngọc Tư mở ra nhiều tầng nghĩa thế giới nghệ thuật.

1.3. Qua thế giới biểu tượng trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư có thể hiểu được bản chất, ý nghĩa của tự nhiên, hiện thực và truyền thống cũng như cơ sở gắn kết của cả một cộng đồng. Tìm hiểu *Thế giới biểu tượng trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư* chúng tôi nhằm tìm ra những giá trị tiềm ẩn khuất lấp sau từng biểu tượng cũng như mối liên hệ giữa chúng, quan niệm của nhà văn, những thông điệp nhà văn gửi gắm, từ đó có thể khẳng định tính nhân văn của từng tác phẩm. Đồng thời qua công trình nghiên cứu này chúng tôi cũng hy vọng có thể đóng góp một phần tri thức vào việc giảng dạy, nghiên cứu, tìm hiểu tác phẩm văn học trong các trường học tại Việt Nam theo cách tiếp cận tác phẩm dựa vào mã văn hoá.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Tình hình nghiên cứu về truyện ngắn và tiểu thuyết Nguyễn Ngọc Tư

Trần Hữu Dũng có bài, “*Nguyễn Ngọc Tư “đặc sản” Miền Nam*”. Ở đây ông đề cao tài năng sử dụng ngôn ngữ Nam Bộ của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, đó là một đặc sắc riêng không thể trộn lẫn với bất kì nhà văn nào khác. Huỳnh Công Tín trong bài viết *Nguyễn Ngọc Tư nhà văn trẻ Nam Bộ* đã chú ý không gian Nam Bộ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư: “Đặc biệt vùng đất và con người Nam Bộ trong các sáng tác của chị được dựng lại bằng chính chất liệu của nó là ngôn từ và văn phong nhiều chất Nam Bộ của chị”. Tìm hiểu con đường Nguyễn Ngọc Tư đã đi và đang đi tới, Bùi Công Thuận có bài *Nguyễn Ngọc Tư và hành trình đã đi đã mang đến một cách nhìn tổng quan về hành trình sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư từ những tác phẩm trước Cánh đồng bất tận, đến những tập truyện sau đó như Gió lẻ, Khói trời lộng lẫy...* Tác giả bài báo nhận ra, cầm bút với Nguyễn Ngọc Tư là để nói ra cái tình người sâu thẳm trong những biểu hiện thật phong phú mà như chị nói “Có bao nhiêu tình tôi yêu hết”.

Trong số những nhà phê bình, Nguyễn Trọng Bình là một trong những người có nhiều bài viết nghiên cứu về Nguyễn Ngọc Tư. Với những bài viết như: *Phong cách truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư nhìn từ phương diện nghệ thuật về con người; giọng điệu chủ yếu trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư; Đặc trưng ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư; Phong cách truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư nhìn từ phương diện nội dung tự sự; Những dạng tình huống thường gặp trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư; Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn văn hóa; Nguyễn Ngọc Tư và hành trình “trở về”*. Qua những bài viết này, tác giả đã thấy: Truyện ngắn Nguyễn Ngọc

Tư là “bức tranh sống động về cuộc sống của một bộ phận người dân lao động (nhất là ở thôn quê) vùng đồng bằng sông Cửu Long mà cái nghèo, cái khổ cứ bám riết lấy họ”. Phạm Thái Lê với *Hình tượng con người cô đơn trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* rút ra kết luận “Cô đơn luôn là nỗi đau, là bi kịch lớn nhất của con người. Nhưng đọc Nguyễn Ngọc Tư, chúng ta cảm nhận rất rõ nỗi cô đơn mà không thấy sự bi quan tuyệt vọng. Nhân vật của chị tự ý thức về sự cô đơn. Họ chấp nhận bởi họ tìm thấy trong nỗi đau ấy một lẽ sống. Và từ trong nỗi đau ấy, họ vươn lên làm người. Cô đơn trong quan niệm của Nguyễn Ngọc Tư là động lực của cái Đẹp, cái Thiện.”

Ngoài ra, còn có nhiều bài viết trên các website cũng bàn về nội dung và hình thức trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư như: Hoàng Đăng Khoa *Dấu ấn hậu hiện đại trong Cánh đồng bất tận* (Vietnamnet.vn). Dạ Ngân *Nguyễn Ngọc Tư – điềm đạm mà thấu đáo* (Văn nghệ trẻ, số 15). Minh Thi *Nguyễn Ngọc Tư và những bộ mặt tâm trạng* (Lao động (ngày 11/4/2004). Thảo Vy *Nỗi đau trong cánh đồng bất tận*. (Tạp chí văn hóa Phật giáo, số 11)...

2.2. Tình hình nghiên cứu biểu tượng trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư

Trần Phong Điều trong bài “*Thị hiếu thẩm mỹ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*” nhận định: “Giọng văn của chị có duyên, đôi khi dí dỏm nhưng ngọt ngào mà sâu sắc, Câu văn rất giản dị, mộc mạc, chân tình, đọc truyện chị tưởng như đang trò chuyện với chị vậy. Lê Huy Bắc trong cuốn *Văn học hậu hiện đại – lí thuyết và tiếp nhận* có bài “*Tính dục (sexuality) trong Cánh đồng bất tận*”, tiếp cận truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư về góc nhìn tính dục *Cánh đồng bất tận* hấp dẫn người đọc bởi cách sử dụng các chi tiết biểu tượng dày đặc. Trong bài *Tư duy biểu tượng trong văn xuôi nữ*, Lê Thị Hương

đề cập tính chất nhị nguyên của biểu tượng lửa trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư.

Đánh giá về tiểu thuyết *Sông*, Nguyễn Thị Việt Nga có bài “*Khát vọng tìm kiếm muôn thuở*”, chị đã phát hiện trong *Sông* mang hơi hướng hiện sinh: “Trong *Sông* cũng là sự kiếm tìm như thế. Sông Di, con sông có tên, có những vùng đất cụ thể mà nó chảy qua, có những số phận cụ thể mà nó gắn với, thực chất cũng chỉ là một dòng sông khát vọng”. Hoài Phương với bài *Sông và hành trình bán ngã của Nguyễn Ngọc Tư* cho rằng: “Điểm hấp dẫn của *Sông* có lẽ là cái duyên riêng của Nguyễn Ngọc Tư, dù cố thay đổi vẫn không mất đi. Văn chị có cái nồng hậu của người miền Nam, cái nồng hậu không đơn giản chỉ là tỏa ra từ hệ thống từ địa phương được dùng dày đặc, mà sâu hơn, nó tỏa ra từ một cái nhìn không bao giờ voi nổi thương cảm với thân phận con người”.

Với những bài viết trên, đa phần các tác giả dù ít dù nhiều đều đề cập những vấn đề liên quan đến đề tài. Chúng tôi coi những công trình khoa học đi trước như là những gợi ý dẫn quý báu trong quá trình thực hiện đề tài này. Cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn biểu tượng. Vì vậy, người viết chọn đề tài *Thế giới biểu tượng trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư* với hi vọng đóng góp một cách nhìn mới, toàn diện hơn về thế giới nghệ thuật văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là *Thế giới biểu tượng trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư*. Văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư bao gồm các thể loại tản văn, truyện ngắn và tiểu thuyết. Trong đề tài này chúng tôi tập trung chủ yếu vào truyện ngắn và tiểu thuyết, cụ thể là:

Gió lè và 9 câu chuyện khác. NXB Trẻ, 2011 (tập truyện ngắn), *Cánh đồng bất tận*. NXB Trẻ, 2007 (tập truyện ngắn), *Tiểu thuyết Sông*. NXB Trẻ, 2012 (tiểu thuyết), (Thêm vào đó còn có truyện *Tro tàn rục rở* chỉ mới được đăng trên tạp chí và trang web).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là thể giới biểu tượng trong tiểu thuyết và truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư trên bình diện nội dung và hình thức nghệ thuật.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết vấn đề của đề tài nêu ra người viết sử dụng các phương pháp sau đây: phương pháp hệ thống – cấu trúc, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng lí thuyết về biểu tượng và các thao tác khoa học phân tích, tổng hợp trong quá trình thực hiện đề tài này.

5. Đóng góp của luận văn

Luận văn hướng đến những đóng góp có ý nghĩa sau:

Tiếp cận các tác phẩm văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư từ phương diện biểu tượng nhằm giải mã những mạch ngầm văn hoá thông qua lớp trầm tích biểu tượng. Từ đó, khẳng định những đóng góp của Nguyễn Ngọc Tư trong thành tựu đa dạng của văn học đương đại.

Luận văn gợi một hướng nghiên cứu, phê bình văn học từ lí thuyết biểu tượng.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Nội dung chính của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Khái lược về thể giới biểu tượng và hành trình sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư

Chương 2: Hệ thống biểu tượng và các tầng nghĩa trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư

Chương 3: Nghệ thuật xây dựng biểu tượng trong văn xuôi Nguyễn Ngọc

CHƯƠNG 1

KHÁI LƯỢC HÀNH TRÌNH SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ TỪ GÓC NHÌN BIỂU TƯỢNG

1.1. GIỚI THUYẾT KHÁI NIỆM

1.1.1. Biểu tượng (Symbole)

Biểu tượng trở thành một phần quan trọng không thể thiếu trong đời sống tinh thần nhân loại. Nó vừa mang những đặc trưng văn hóa chung của từng nền văn minh, tôn giáo, vừa mang những sắc màu riêng của mỗi quốc gia, dân tộc. “Biểu tượng là cái nhìn thấy được mang một kí hiệu dẫn ta đến cái không nhìn thấy được” (E.Junger).

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* (Jean Chevalier): “Biểu tượng cơ bản khác với dấu hiệu ở chỗ dấu hiệu là một quy ước tùy tiện trong đó cái biểu đạt và cái được biểu đạt (khách thể hay chủ thể) vẫn xa lạ với nhau, trong khi biểu tượng giả định có sự đồng chất giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt theo nghĩa một lực năng động tổ chức”.

Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam cũng quan tâm đến biểu tượng và xác lập những quan điểm của mình. Trong số đó nổi bật là quan điểm của các tác giả Hoàng Phê, Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi...

Dù đứng trên những quan điểm và lập trường khác nhau nhưng chúng ta vẫn hiểu được điểm chung của biểu tượng là một hiện tượng vật thể, nhờ thể hiện trong đó một nội dung cụ thể - cảm tính

mà hiện tượng này thể hiện, trình ra những ý nghĩa, những giá trị trừu xuất nào đó. Biểu tượng không hoàn toàn là thực tế bởi vì nó là sự xây dựng lại thực tế sau khi đã được tri giác, nhưng những hình ảnh đó cũng không hoàn toàn là chủ quan xuất phát từ hoạt động tâm trí của chủ thể. Biểu tượng là hiện tượng chủ quan của đối tượng về hiện tượng khách quan đã được tri giác. Có thể nói biểu tượng chính là một loại hình ngôn ngữ - kí hiệu.

1.1.2. Biểu tượng văn hoá

Biểu tượng văn hóa là những khái niệm nằm trong lĩnh vực văn hóa để chỉ một loại tín hiệu riêng rộng hơn môi trường văn hóa, đồng thời có chiều sâu và phong phú hơn tín hiệu văn hóa. Biểu tượng văn hóa đã hòa nhập cùng những tín hiệu dân gian, hiển hiện trong các phong tục, lễ hội, tập quán của con người hoặc có khi chúng được ký thác ở thế giới tâm linh, ẩn chứa trong các hoạt động văn hóa dân gian và nghệ thuật truyền thống.

Những giá trị vật chất và tinh thần tiêu biểu của dân tộc theo thời gian đã được kết tinh thành hệ thống biểu tượng văn hóa truyền thống. Từ đó, ta thấy rằng biểu tượng chính là một thành tố cơ bản của văn hóa. Vì thế, khi ta lí giải được những biểu tượng văn hoá có nghĩa là ta đã tìm thấy những giá trị khoa học và nhân văn của cả dân tộc.

1.1.3. Biểu tượng trong văn học

Biểu tượng văn học là các biểu tượng nghệ thuật cấu tạo lại thông qua tín hiệu ngôn ngữ trong văn học. Do đó, vai trò trước hết của biểu tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học là bộc lộ những tư tưởng, tình cảm cá nhân của tác giả, diễn đạt những nội dung tiềm ẩn trong tâm hồn mình.

Trong biểu tượng có bao hàm một điều gì đó mơ hồ, chưa biết hay bị che dấu đối với chúng ta. Như vậy, biểu tượng trong văn học là một sự vật, hình ảnh được dựng lên bằng vật chất mang giá trị thẩm mỹ, gợi lên những liên tưởng về bản chất của một sự vật nào đó. Tuy nhiên biểu tượng luôn ở cấp độ cao hơn hình ảnh và không phải hình ảnh nào cũng là biểu tượng. Có những hình ảnh chỉ mang tính định danh, gợi sự vật, sự việc như nó vốn có trong thực tế. Nhưng có những hình ảnh được lựa chọn để đưa vào tác phẩm theo một ý đồ nào đó của tác giả, khi đó chúng có ý nghĩa rộng hơn và trừu tượng hơn, khác với ý nghĩa ban đầu.

Cùng với sự cộng hưởng của yếu tố văn hóa, lịch sử, biểu tượng trong tác phẩm luôn mở ra nhiều tầng nghĩa với những chiều kích liên tưởng khác nhau. Nhà văn thường dụng công xây dựng những biểu tượng thẩm mỹ để tăng cường giá trị biểu đạt và chiều sâu ý nghĩa cho tác phẩm. Biểu tượng thẩm mỹ luôn luôn chứa khả năng nảy sinh quan niệm, dồn nén các ý nghĩa. Điều này mang đến cho bạn đọc những khoái cảm của trí tuệ, của chiêm nghiệm, cảm giác vừa quen vừa lạ. Và đó cũng chính là sức hấp dẫn của văn chương.

1.2. HÀNH TRÌNH SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ

Là nhà văn trẻ của vùng tận cùng tổ quốc. Sinh ra nơi mệnh mông sông nước, Nguyễn Ngọc Tư mang đến cho văn học Việt Nam một hơi thở mới nồng nàn chất quê Nam bộ.

Xuất hiện trên văn đàn một cách đầy ấn tượng với hương vị mặn mòi của ruộng đồng Nam Bộ. Số lượng tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư phong phú với nhiều thể loại: Thơ, truyện ngắn, tạp văn, tản văn và tiểu thuyết. Ban đầu có thể chỉ là sự ngạc nhiên trước vẻ đẹp giản dị, quê mùa của những truyện ngắn nhẹ nhàng dung dị, nhưng càng

về sau chúng ta càng nhận thấy ở cây bút trẻ này một sức sáng tạo mạnh mẽ, một nội lực dồn nén và biết cách bung tỏa một cách hợp lý và chừng mực. Tên tuổi của Nguyễn Ngọc Tư ngày càng được khẳng định và trở nên quen thuộc đối với những người yêu văn chương trên mọi miền tổ quốc. Qua từng câu chuyện, mảnh đời chúng ta dường như đều tìm lại được quê hương đích thực trong tâm tưởng, những kỷ niệm mà dường như không ai chia sẻ. Phải chăng vì vậy mà tác phẩm của chị dễ dàng đi vào lòng người đọc.

Từ góc nhìn biểu tượng và cảm hứng sáng tạo, hành trình sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư gồm hai mốc chính:

1.2.1. Trước *Cánh đồng bất tận* là thời của chữ gió với “những trang văn tràn ngập gió” (Nguyễn Ngọc Tư - *Ngày mai của những ngày mai*). Sinh ra nơi “gió mùa phây phẩy, gió đưa trời lộng lên cao”, nơi mênh mông sông nước, Nguyễn Ngọc Tư mang trong mình lối viết đậm đà hơi thở sông nước Nam Bộ. Gió trở thành biểu tượng thổi xuyên suốt những tập sách của chị. Dường như đọc bất cứ tác phẩm nào của Nguyễn Ngọc Tư chúng ta cứ thấy gió không những xuất hiện mà còn xuất hiện với tần suất cao, nào là gió chướng, gió lẻ, gió bầy, gió bắc, gió mùa, những cơn gió Đông mắc dịch, gió thốc, gió lùa, gió cười, gió hiu hiu, gió dịu dàng, gió mờ côi, gió đậm địa ... trang nào cũng ngập lộng gió. Những ngọn gió cô đơn lẻ loi, len lén len lỏi vào những thân phận người. Những ngọn gió cắc cớ xoáy sâu vào nỗi cô đơn vô tận, làm nỗi buồn khắc khoải, chông chênh... Biểu tượng gió đã nói lên được sự lạc lõng, xa lạ của kiếp người trong cõi nhân sinh. Gió gợi cảm hứng cho những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư.

Cùng với gió là sông, nước, đất, cỏ, cánh đồng, khói..., những hình ảnh đời thường đều trở thành biểu tượng cho buồn vui, sum họp

chia xa, đau thương hạnh phúc đời người trong tư duy nghệ thuật của nhà văn. Và có lẽ như vậy người ta thường nhắc tới Nguyễn Ngọc Tư như một ngọn gió bất tận, bay đến tận cùng nỗi đau hay vui sướng của tất cả mọi người trên cõi đời này.

1.2.2. Sau *Cánh đồng bất tận* là thời của chữ đau với biểu tượng *nước mắt* (Nguyễn Ngọc Tư - *Ngày mai của những ngày mai*). *Cánh đồng bất tận* như một điểm mốc đánh dấu sự thay đổi trong cách viết của nhà văn. Không còn trong trẻo, hồn nhiên như những ngày đầu, Nguyễn Ngọc Tư bỗng trở thành “Con lóc, xoáy lên, chướng lên trên cánh đồng bất tận” - “một cánh đồng bất tận toàn cầu hóa, cái đục, cái ác, cái xấu, cái phần “con” trong mỗi con người!” (Đỗ Hồng Ngọc).

Truyện của Ngọc Tư luôn buồn. Chị từng nói niềm vui thì nhiều nhưng lại không khiến người ta day dứt. Trong bài diễn từ của mình khi nhận Giải thưởng Văn học Đông Nam Á, Nguyễn Ngọc Tư chia sẻ: “Tôi hay nghĩ về sức mạnh của những giọt nước mắt. Chúng trong trẻo, giản dị nhưng lại gây rung cảm sâu sắc. Những tối trên bản tin truyền hình, tôi nhìn thấy một em bé hay một phụ nữ ở xứ sở xa xôi nào đó đang khóc, vì chiến tranh vì bạo lực hay vì thiên tai... và những giọt nước mắt lay động bất cứ ai nhìn thấy chúng, bắt chấp biên giới, màu da, thể chế chính trị, ngôn ngữ hay những cách biệt văn hóa khác. *Tôi nghĩ nếu vẽ một biểu tượng của nghệ viết mà tôi đang đeo đuổi tôi sẽ vẽ hình ảnh của giọt nước mắt hay gần giống như thế*, bởi văn học vẫn còn những rào cản ngôn ngữ. Khi viết về thân phận, nỗi đau, sự bối rối thường trực của con người trước những biến cố của cuộc đời, tôi luôn ao ước những trang viết của mình có được sự rung cảm như những giọt nước mắt”. Những giọt nước mắt xuất hiện trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư ngày càng trữu

nặng. Văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư như một hồi chuông rung lên cảnh tỉnh con người hiện đại hãy biết sống yêu thương chia sẻ với nhau, bởi lẽ chỉ có tình yêu thương thực sự từ trái tim mới giúp con người thoát khỏi bi kịch cuộc đời. Đó là tiếng chuông thức tỉnh mỗi con người tự nhìn nhận lại chính bản thân mình, để trở về nguồn nhân ái của con người giữa một thế giới lây lan, vô cảm, phân ly và ngày càng có khuynh hướng chạy về phía trước. Và có lẽ vì vậy mà chúng ta thấy trên trang viết của chị là những điều bức xúc, những nỗi đốn đau và cả những nụ cười quê mùa, e thẹn, những giọt nước mắt ngân ngấn rung rung...nhưng trong cái sâu ấy, chúng ta vẫn nhận thấy một niềm tin, một ánh sáng bèn bèn, dai dẳng trong từng trang viết của chị.

Nhìn chung, thế giới nghệ thuật của Nguyễn Ngọc Tư là thế giới biểu tượng. Những hình ảnh biểu tượng như một thủ pháp nghệ thuật làm tăng tính đa nghĩa, huyền bí cho tác phẩm. Nhờ sử dụng biểu tượng, Nguyễn Ngọc Tư thâm nhập được sâu vào thế giới bên trong, soi chiếu những góc khuất tâm hồn con người. Từ đó làm cho thế giới nhân vật, cốt truyện mang màu sắc lãng mạn, huyền ảo. Không những vậy nó còn tạo không gian đa chiều, lung linh trên từng trang viết. Tạo thành thế giới biểu tượng trong tác phẩm, đây chính là một trong những yếu tố làm nên sự thành công của ngòi bút Nguyễn Ngọc Tư.

CHƯƠNG 2

HỆ THỐNG BIỂU TƯỢNG VÀ CÁC TẦNG NGHĨA TRONG VĂN XUÔI NGUYỄN NGỌC TƯ

2.1. HỆ THỐNG NHAN ĐỀ MANG TÍNH BIỂU TƯỢNG

Điểm đặc biệt ở tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư là biểu tượng thường xuất hiện ngay ở nhan đề: *Nhà cổ*, *Thương quá ra rằm*, *Một trái tim khô*, *Cánh đồng bất tận*, *Gió lẻ*, *Sông*... Xuất hiện ở nhan đề, hiệu lực của biểu tượng vượt ra ngoài ý nghĩa. Với tư duy biểu tượng, nhiều nhan đề truyện của Nguyễn Ngọc Tư trở thành những tín hiệu thẩm mỹ thông tin nhiều lớp nghĩa trong tác phẩm. Ý nghĩa tác phẩm không chỉ thể hiện qua lớp vỏ ngôn từ mà còn vang lên đằng sau lớp vỏ ngôn từ ấy. Chẳng hạn như: *Gió lẻ* biểu tượng cho nỗi cô đơn của thân phận người; sự cô độc, hiu hắt của cuộc đời. *Sông* biểu tượng cho sự chảy trôi của dòng đời. *Nhà cổ* biểu tượng cho những giá trị truyền thống. “Nhân phủ” trở thành nơi lưu giữ những kỷ niệm, tình yêu... Nhưng cuối cùng “nhà cổ” sụp đổ: Anh chị Tứ Hải qua nhà, cúi đầu chịu lỗi với má tôi, nói vì người của “Nhân phủ” mà tôi phải chịu lỗ dờ...

Tất cả những biểu tượng xuất hiện trên nhan đề và lặp lại nhiều lần trong tác phẩm trở thành những tín hiệu thẩm mỹ mở ra nhiều lớp nghĩa. Đó là cuộc đời, là lẽ sống, là đạo lý, là thân phận người, là khát khao tình yêu và thù hận,...

2.2. BIỂU TƯỢNG LÀ NHỮNG CỔ MẪU

2.2.1. Nước và biển thể

Nước là nguồn sống tự nhiên quan trọng bậc nhất của loài người, chính vì thế không phải ngẫu nhiên mà mọi nền văn minh cổ đại đều được khai sinh bên những dòng sông. Biểu tượng Nước trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư được thể hiện dưới những biến thể:

Sông xuất hiện với tần số cao trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư. Được coi là một trong những cổ mẫu của văn hóa nhân loại, sông một mặt mang những ý nghĩa biểu trưng chung của nước, một mặt có những hướng nghĩa biểu trưng riêng gắn liền với những đặc điểm

bản thể của nó. Qua khảo sát chúng tôi thấy dòng sông trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư có các hướng nghĩa biểu trưng chủ yếu: Dòng sông tượng trưng cho dòng chảy vô thường của đời sống với vô vàn những đổi thay thăng trầm, những chuyển động bởi vì hơn bất kì một sự vật nào, dòng sông không ngừng trôi chảy, dòng sông là biểu tượng cho dòng đời. Cuộc sống của sông là sự chảy trôi, đằng sau sự êm ả bình yên của sông là sự chuyển vận, biến dịch không ngừng. Cái thực thể ấy luôn luôn biến đổi, nó là nó mà có khi không phải là nó, vậy mà đôi khi không phải như vậy. Tất cả đều chập chờn ẩn hiện như dòng sông Di.

Với đặc tính về sự trôi chảy liên tục của nước. Hơn tất cả, dòng sông gọi sự chảy trôi mãi miết của dòng đời. Biểu tượng sông cũng như chính cuộc đời con người luôn vật lộn đi tìm chính bản thể con người mình rồi rốt cuộc tìm đến bản chất tận cùng chúng ta chỉ thấy sự vô thường.

Di truyền đặc tính của mẫu gốc nước, sông vừa là nguồn sống đồng thời cũng vừa là nguồn chết. Như mọi quyền năng đem lại màu mỡ, với những quyền định huyền bí, các dòng sông có thể nuốt chửng tất cả, tưới nước hoặc gây lụt lội, chở thuyền đi hay nhấn chìm nó.

Trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư biểu tượng sông cũng mang tính hai mặt. Sông với ý nghĩa là nguồn sống thể hiện ở việc sông mang lại sự sống cho những người dân sống hai bên sông. Nhưng sông cũng mang ý nghĩa nguồn chết bí ẩn chứa trong mình những hiểm họa mà con người không ngờ tới.

Sông là biểu tượng hướng đến mẫu Mẹ, nuôi dưỡng tinh thần con người. Dòng sông trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư gợi nhắc sự thiêng liêng trong sạch, nơi thanh lọc tâm hồn.

Văn học hiện đại, hậu hiện đại được xem là văn học của các ẩn dụ, biểu tượng và huyền thoại. Một trong những yếu tố đặc biệt làm nên sức hấp dẫn của văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư chính là dòng chảy sâu kín của ngôn ngữ biểu tượng. Biểu tượng dòng sông trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư gửi gắm bao nhiêu triết lí, chiêm nghiệm, trăn trở về cuộc đời.

2.2.2. Lửa và tính chất nhị nguyên

Lửa là một trong những nhân tố khởi nguyên của văn minh nhân loại. Lửa như một ám gọi về cội nguồn văn hóa, chạm đến chiều sâu tâm linh của con người với các vấn đề ánh sáng và bóng tối, cao cả và thấp hèn, ý thức và vô thức. Trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư biểu tượng lửa có tính chất nhị nguyên: lửa thiêu đốt, lửa tái sinh. Trong *Cánh đồng bất tận*, Chính lửa hận thù lệch lạc đã tạo điều kiện cho đau khổ trở hoa. Qua tất cả những hành động của người cha, Nguyễn Ngọc Tư cho ta thấy hình ảnh của một người đàn ông ở đây đã bị ngọn lửa thù hận làm cho mù quáng; trở thành kẻ tàn nhẫn, bất nhân. Nó làm cho cốt truyện phát triển đến cao trào và đỉnh điểm của nỗi đau, người đọc cảm nhận được mức độ tột cùng của cái ác xuất phát từ ngọn lửa hận thù. Trong *Tro tàn rực rỡ*, biểu tượng ngọn lửa xuất hiện 15 lần như một tín hiệu thẩm mỹ và có vai trò hết sức quan trọng. Ngọn lửa biểu trưng cho nhiệt huyết của “tình yêu và sự giận dữ”, cho những khát vọng về tình yêu cháy bỏng trong tâm thức của mỗi nhân vật. Ngọn lửa làm tái sinh những góc khuất tối tăm, là cơ hội thức tỉnh những gì tốt đẹp nhất trong mỗi con người. Lửa nối kết họ, nối kết yêu thương và hoá giải hận thù. Trong *Gió lè*, lửa cũng với tư cách là biểu tượng đã tham gia vào kết cấu của tác phẩm tạo nên nốt nhấn, điểm sáng cho tác phẩm. Ý nghĩa mẫu gốc “lửa” mang đến hơi ấm, mang đến sự hồi sinh. Biểu tượng lửa trong

sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư cũng có ý nghĩa là sự thấp sáng lên tình yêu, thấp lên sự sống, thấp lên niềm tin, lạc quan vào tương lai.

2.2.3. Đất và những biến thể

Đất bao dung muôn vật. Nhờ vào đất mà muôn vật được hóa sinh. Trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư, đất xuất hiện với những biến thể quen thuộc: cánh đồng, ruộng, gò đồi,...

Cánh đồng: Nói đến cánh đồng, nói đến châu thổ là nói đến đất. Trong tâm thức dân tộc, Địa Mẫu (Mẹ Đất), là mẹ vĩ đại, chở che, bao bọc, nuôi nấng và sinh sản. Văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư luôn trở đi trở lại với hình ảnh cánh đồng bởi nó như bám vào kí ức của chị. Lúc là cánh đồng Rạch Mũi, cánh đồng quê nắng khô cỏ cháy, cánh đồng không tên, cánh đồng rộng khi lại là cánh đồng vừa mới gặt xong, cánh đồng lúa chín tới... Cánh đồng là linh hồn của đất đai, là nơi lưu giữ những kí ức.

Núi: Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*: “Ý nghĩa tượng trưng của núi có nhiều mặt, vừa là chiều cao vừa là điểm trung tâm. Với những đặc điểm: cao, thẳng đứng, gần mặt trời, núi tham gia vào hệ biểu tượng của cái siêu tại, siêu phàm với tính cách là trung tâm của những hiện tượng hiển linh trong khí quyển và rất nhiều sự tích thần hiện, núi thuộc biểu tượng của cái bản thể biểu hiện (...) Núi thể hiện những khái niệm về tính ổn định, bất di bất dịch và đôi khi cả về tính thanh khiết”. Ở đây, Nguyễn Ngọc Tư kể về câu chuyện *Núi lở*. *Núi lở* như một tình huống tượng trưng biểu tượng xem như một khối thuốc nổ được giấu kín giữa câu chuyện để rồi bất ngờ bộc phát buộc các nhân vật phải hành động để phơi bày bản chất của mình. *Núi lở* như để phơi bày hết tất cả sự lở lóai trong lòng người, sự lạnh lùng nhẫn tâm của con người trong giây phút quyết định giữa sống và chết.

Con đường như là biểu tượng cuộc hành trình để tìm đến cái đích cuối cùng của đời người, để đến với hạnh phúc, niềm vui, chân lý,... Ta hiểu rằng con người có thể đi và đánh đổi cả cuộc đời vô nghĩa của mình chỉ để được tìm kiếm và thấy cái đẹp. Cũng có khi con đường trở thành nhân vật song hành, dẫn lối cho con người tìm đến với chân, thiện, mỹ. Nó cũng là cuộc hành trình riêng lẻ của cá nhân để tìm về với bản ngã của mình, hoặc đó là con đường chung mà nhiều người cùng sỏi bước và nếm trải những gian truân, đắng cay, lẫn ngọt bùi, hạnh phúc. Cuộc sống hiện đại có rất nhiều điều phi lí khiến ta khó chấp nhận. Dẫn thân trên các con đường, các nhân vật trong văn xuôi của Nguyễn Ngọc Tư như tìm cách khóa lấp nỗi đau đang gặm nhấm.

2.3. BIỂU TƯỢNG VÀ NHÂN VẬT

2.3.1. Những cái tên – Kiểu nhân vật bị tẩy trắng

Biểu tượng nhân vật trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư thể hiện trước hết ở hệ thống nhân vật bị tẩy trắng, nhân vật mất tích, nhân vật bị đánh vắng biểu trưng cho số phận con người, cho phi lí kiếp người. Đó là những nhân vật không tên tuổi, “vô tâm tích”. Từ đầu truyện đến cuối truyện ta không biết nhân vật tên là gì, đến từ đâu.

Ở nhiều tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư tên gọi nhân vật trở thành biểu tượng gọi mở. Những cái tên không phải để khẳng định cá nhân mà dưới ngòi bút của Nguyễn Ngọc Tư trở thành biểu tượng cho những hình hài, những hình khối đúc kết từ những oán thù truyền đời bất tận.

Con người không danh tính, dường như trở thành một biểu tượng trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Ngay cả khi nhà văn cho nhân vật của mình một danh tính và được định vị rõ ràng trong xã hội, thì sự hiện tồn của họ vẫn cứ dần bị mờ nhòe, tẩy trắng. Các

nhân vật trong tiểu thuyết *Sông* cứ dần biến mất, biến mất một cách khó hiểu như thể họ chưa từng tồn tại trên thế giới này.

Việc xây dựng các nhân vật bị tẩy trắng, mờ nhòe trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư không hoàn toàn là ngẫu nhiên. Nhân vật biến mất khỏi tiến trình tự sự tạo nên những “khoảng trống” cho văn bản. Mặc dù bị tẩy trắng hay biến mất nhưng cái bóng của nhân vật vẫn đồ dài trong câu chuyện, vẫn ám ảnh và day dứt bạn đọc.

2.3.2. Biểu tượng tính dục và nhân vật bản năng

Dẫu không chú ý nhiều đến tính dục, nhưng trong một số truyện của Nguyễn Ngọc Tư, đặc biệt là từ *Cánh đồng bất tận* đến tiểu thuyết *Sông*, ngòi bút nhà văn ngày càng đi sâu vào phần bản năng của con người. Nhiều biểu tượng tính dục tạo ấn tượng về phần xung năng vốn ẩn náu trong con người.

Trong *Cánh đồng bất tận*, khi người mẹ ngoại tình với gã buôn cải, hình ảnh mảnh vải đỏ cứ ám ảnh trong giấc mơ của Nương: “Một bữa tôi chiêm bao, chẳng đầu chẳng cuối gì, chỉ thấy vía má giầy dựa trong tấm vải đỏ lạ lùng kia nhưng nó thít chặt, riết lấy, siết dần cho tới khi má thành một con bướm nhỏ, chấp chới bay về phía mặt trời”,...

Sự tham gia của hệ thống biểu tượng nghệ thuật trong quá trình xây dựng tác phẩm khiến cho sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư luôn là một ẩn số đối với nhiều độc giả. Đọc văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư là bước vào cuộc phưu lưu của trò chơi ngôn ngữ với những biểu tượng để giải mã những ẩn ý sâu xa. Chính những biểu tượng này làm cho văn Nguyễn Ngọc Tư đượm đầy, nói như không nói, miêu tả khơi khơi mà sự hình dung về vấn đề đó thật thấu tận, sâu sắc.

CHƯƠNG 3

NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG BIỂU TƯỢNG TRONG VĂN XUÔI NGUYỄN NGỌC TU

3.1. BIỂU TƯỢNG VÀ TỔ CHỨC CẤU TRÚC VĂN BẢN

3.1.1. Kết cấu ghép mảnh

Bất cứ một tác phẩm nào cũng có một kết cấu nhất định. Mỗi kết cấu là một cách biểu hiện khác nhau với ý đồ khác nhau. Kết cấu tác phẩm thể hiện quá trình vật lộn của nhà văn với tài liệu sống, để biểu hiện một chất lý khái quát. Nó cũng phản ánh quá trình tư duy của nhà văn. Tư tưởng sống động của nhà văn bao giờ cũng thể hiện trong kết cấu và qua kết cấu.

Văn chương là “nghệ thuật sắp đặt ngôn từ”, một nhà văn tài năng là nhà văn xây dựng, lắp ghép được trong tác phẩm của mình những yếu tố ngẫu nhiên, tưởng chừng như không có mối liên hệ để tạo nên “những ám ảnh nghệ thuật”.

Cảm quan hậu hiện đại xem thế giới là một sự hỗn độn, do các nhà văn có ý muốn tái tạo sự hỗn độn của cuộc sống bằng sự hỗn độn nhân tạo của loại trần thuật theo nguyên tắc cắt mảnh rời rạc. Lối viết này đã thực sự tái tạo một thế giới phân mảnh trước mắt chúng ta. Trong nhiều truyện của Nguyễn Ngọc Tu, văn bản trần thuật phân rã thành những mảnh ghép rời rạc, lắp ghép ngẫu nhiên nhằm tạo kịch tính cho tác phẩm đồng thời chuyển tải nhiều ngụ ý nghệ thuật.

3.1.2. Kết cấu xâu chuỗi

Các nhà văn hiện đại quan niệm hiện thực không mang tính trọn vẹn, mà quan niệm cuộc sống như những mảnh vỡ. Tác phẩm như một khối rubic, gồm những mảnh ghép rời rạc, ghép lại, thoát nhìn thấy chúng chẳng ăn nhập gì với nhau. Nó còn gọi lên sự riêng lẻ, độc lập nhưng ẩn sâu bên trong là một cái trục chi phối tất cả. Với

cách thức thể hiện mới, Nguyễn Ngọc Tư đã thành công trong các sáng tác của mình.

Bằng việc xâu chuỗi các sự kiện, Nguyễn Ngọc Tư vừa bao quát được mảng hiện thực rộng lớn, những sự kiện bề bộn lại vừa có sức liên kết chúng lại một cách tự nhiên trong một chỉnh thể nghệ thuật.

Qua dạng thức kết cấu xâu chuỗi, Nguyễn Ngọc Tư như tạo ra một chiếc chìa khóa vô hình để “giải thoát” cho lối viết văn xuôi quen thuộc. Đây là sự kế thừa chủ nghĩa Hậu hiện đại cùng với sự đổi mới trong tư duy của nhà văn. Xây dựng sự kiện theo kết cấu xâu chuỗi cũng là một thách thức cho độc giả khi tác giả thả họ giữa một ma trận, nhưng cũng là phương cách mà Nguyễn Ngọc Tư nói riêng và các nhà văn hiện đại nói chung đã và sẽ còn vận dụng, sáng tạo lâu dài.

3.2. KHÔNG GIAN CHỨA BIỂU TƯỢNG

3.2.1. Không gian huyền ảo

Trong văn học hiện đại, sự đối lập phân cực dường như hoàn toàn bị xóa bỏ, ranh giới thực ảo không còn là sự bổ đôi mà trở nên mờ nhòe, lẫn lộn, thể hiện một cái nhìn nghệ thuật mới về thế giới. Nguyễn Ngọc Tư đã sử dụng yếu tố huyền ảo như một chiều không gian tồn tại bên cạnh cái thực để soi chiếu hiện thực nhiều chiều, nhiều tầng. Trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư, nhiều biểu tượng được sử dụng tạo độ mờ nhòe, huyền ảo.

Văn là cõi thực nhưng bằng những biểu tượng đa nghĩa lưu giữ từ xa xưa, Nguyễn Ngọc Tư đã ảo hóa không gian. Chính điều này tạo nên một khối hỗn độn trong tác phẩm: thực - ảo, âm - dương. Giới hạn giữa cuộc sống nhân gian với cuộc sống cõi dưới mong manh, chập chững, vô định. Những câu hỏi và những nỗi băn khoăn

hận thù có từ tiền kiếp trở thành nghiệp dĩ mà con người phải mang theo suốt cả cuộc đời, thậm chí khi đã sang thế giới bên kia. Lạc giữa không gian huyền ảo con người hoang mang lo sợ và hoàn toàn mất phương hướng.

Có thể nói những nhân vật trong văn xuôi của Nguyễn Ngọc Tư luôn chơi với giữa hai bờ: hiện thực và huyền ảo. Trên hành trình đi tìm kiếm căn nguyên bản ngã của mình, họ tình cờ rơi vào thế giới ảo, và ở đây họ tìm thấy những triết giải siêu hình cho bao nghi vấn bấy lâu cứ trúc trắc trong tiềm thức. Và cũng chính trong thế giới ảo ấy, họ lại cứu rỗi thế giới thực. Luân quần giữa thực và ảo, độc giả cảm nhận được sự bi quan và những dự cảm bi đát của nhà văn về thân phận con người hiện đại.

3.2.2. Không gian chuyển dịch

Trong văn xuôi của Nguyễn Ngọc Tư người đọc nhận thấy một điều rằng không gian trong tác phẩm của chị là không gian không nằm trong sự tĩnh tại mà luôn có sự dịch chuyển. Một không gian sông nước gắn liền với những bến quê, những chiếc ghe thương hò rày đây mai đó trên những dòng sông. Ghe, xuồng, dòng sông... là những biểu tượng nói lên sự chuyển dịch, sông mãi miết trôi, gió không ngừng thổi, con người mãi miết trên những chuyến đi. Không chỉ kéo dài khoảng cách Nguyễn Ngọc Tư còn chuyển dịch cả chiều không gian. Bước vào không gian chuyển dịch ấy, các nhân vật như thấu suốt chính mình hơn, cảm nhận tường minh nỗi đau đang hiện hữu, đọc được những nguyên do bi kịch mà đời mình đang lẫn khuất. Vì vậy không gian ấy dường như còn là một thấu kính để nhân vật soi thấy mặt khác của bản ngã, tâm trí mình với những đam mê dục vọng.

Không gian chuyển dịch là dạng thức không gian phổ biến trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư. Đó là không gian vô tận gắn liền với những hành trình truy tìm sự hiện tồn của các nhân vật. Trong không gian ấy con người càng thêm nhỏ bé, đơn độc và chơi vơi.

3.3. NGÔN NGỮ

3.3.1. Hệ thống từ biểu tượng cho văn hoá Nam Bộ

Xuất hiện trên văn đàn văn học với ngôn ngữ và giọng văn rất khác biệt so với những nhà văn trẻ cùng thời. Văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư sử dụng rất nhiều từ ngữ chỉ các sự vật, hiện tượng biểu tượng cho sông nước và miệt vườn Nam Bộ. Chúng ta thấy đậm đặc trong các sáng tác của chị từ tên gọi của truyện như *Cánh đồng bất tận*, *Gió lẻ*, *Thương quá rau răm*, *Hiu hiu gió bắc*... đến từng chi tiết như: cây còng, cây tra, chợ nổi, dừa nước, ... Những từ ngữ chỉ tên các loại gió đặc trưng cho gió phương nam cũng được chị nhắc đến nhiều trong sáng tác của mình như: gió chướng, gió bầy... Có thể khẳng định việc sử dụng ngôn ngữ địa phương, những hình ảnh tạo không gian Nam Bộ đặc trưng đã góp phần không nhỏ để Nguyễn Ngọc Tư tái hiện chân thực, sống động không khí Nam Bộ. Điều đó cũng khiến câu chuyện được kể lôi cuốn người đọc vào một thế giới chân thực, bình dị của những con người lam lũ miền sông nước.

3.3.2. Ngôn ngữ giàu chất thơ

Ngôn ngữ văn học là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện cá tính sáng tạo, phong cách của nhà văn. Nguyễn Ngọc Tư thu dệt những lời văn nhẹ nhàng, bay bổng và thấm đẫm chất thơ. Có thể nhận thấy chất thơ thể hiện rõ rệt nhan đề đó là những: *Cái nhìn khắc khoải*, *Ngọn đèn không tắt*, *Đau gì như thể*, *Lý con sáo sang sông*... Chất thơ trong văn xuôi Nguyễn Ngọc Tư do nhiều yếu tố kết hợp

nhưng về cơ bản là do biểu tượng được sắp xếp lặp đi lặp lại mở ra nhiều tầng ý nghĩa và tạo âm hưởng trữ tình. Có lẽ Nguyễn Ngọc Tư không chỉ sử dụng chất thơ để câu chuyện thêm đẹp, lời lẽ và hình ảnh thêm ý vị mà còn để khơi thêm niềm đau, nỗi xót xa, sự ám ảnh cho con người khiến trái tim thổn thức xôn xang với những kiếp người nhỏ bé, đau thương.

KẾT LUẬN

1. Biểu tượng là một dạng kí hiệu đặc biệt, siêu ngôn ngữ ẩn chứa những tầng ý nghĩa phong phú, muôn màu về cuộc sống xung quanh. Con người không thể tách mình ra khỏi thế giới ấy. Vì thế biểu tượng luôn tồn tại trong tiềm thức mỗi cá nhân, cộng đồng dân tộc. Sự hình thành, tồn tại và phát triển của thế giới biểu tượng trong đời sống văn học nghệ thuật từ lâu đã cắm sâu vào gốc rễ nhận thức của con người. Do đó để khám phá ra thế giới tâm hồn của mỗi quốc gia dân tộc đòi hỏi chúng ta phải tìm hiểu về thế giới biểu tượng văn hóa. Để qua từng tác phẩm ta lại cảm nhận được nét văn hóa độc đáo lẫn tâm sự kìm nén của người viết. Có thể nói những hình ảnh biểu tượng trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đã góp thêm vào vẻ đẹp văn hóa rất riêng của dân tộc Việt Nam. Tất cả được tái hiện một cách chân thực, sinh động qua cách xây dựng biểu tượng từ phương diện nội dung và hình thức. Biểu tượng không chỉ tồn tại trong quan điểm, suy nghĩ, nhận thức của con người, mà dường như qua các trang viết của nhà văn nó trở thành một sinh vật sống động, đa chiều trước thế giới muôn màu, đa dạng.

2. Trong văn học việc sử dụng những biểu tượng văn hóa như một phương tiện nghệ thuật để lĩnh hội và chiếm lĩnh thế giới tạo nên một cái nhìn mới mẽ trước thực tại cuộc sống. Nhà văn đã vận dụng được những hình ảnh tưởng chừng rất chân thực, gần gũi để thể hiện quan điểm thẩm mỹ của mình. Khám phá thế giới biểu tượng để đưa vào những sáng tác của mình, nhà văn đã góp phần vào quá trình phát triển các trào lưu văn học, các trường phái văn học trên thế giới từ xưa đến nay. Những biểu tượng là mẫu gốc và những biến thể của nó đi vào văn học làm cho đời sống văn học thêm phong phú và mở rộng phạm vi sáng tác. Đồng thời mở ra một hướng tiếp cận mới trong phân tích và thẩm định tác phẩm văn học.

3. Nhìn lại sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, có thể chị vẫn chưa là đại biểu xuất sắc của văn học Việt Nam đương đại, nhưng qua những vấn đề nhà văn đề cập, ta thấy Nguyễn Ngọc Tư là một người có tâm và có tài thật sự. Chị có khả năng đốt lên những ngọn lửa nóng bỏng, làm cho bầu không khí văn chương thêm sôi động, mới lạ. Nhưng chị cũng không quên trần trở và đau đớn trước những số phận lẻ loi, bất hạnh mà chị đã từng gặp đâu đó trong cuộc sống quanh mình. Đặc biệt, bằng cách sử dụng linh hoạt các biểu tượng Nguyễn Ngọc Tư đã đem lại hiệu quả cao cho các sáng tác của mình. Chị đã tạo một khoảng trống nghệ thuật rộng lớn để bạn đọc thỏa sức tưởng tượng và suy ngẫm.

Thế giới biểu tượng trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, là những ẩn số khơi gợi hứng thú tìm tòi cho độc giả, chứa đựng nhiều ý nghĩa cần được lí giải. Tìm hiểu thế giới biểu tượng ấy là một trong rất nhiều con đường khác nhau để người đọc thâm nhập sâu hơn vào một vùng văn học.

Nghiên cứu biểu tượng trong văn học là con đường để ta hiểu sâu hơn và đầy đủ hơn về ý nghĩa của biểu tượng. Việc giải mã biểu tượng góp phần giúp chúng ta hiểu được những giá trị riêng biệt, độc đáo mà tác giả đã chuyển tải vào trong tác phẩm. Từ góc nhìn biểu tượng thế giới nghệ thuật của Nguyễn Ngọc Tư mở ra nhiều chiều.